

Bản án số: **732/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/7/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Trung Kiên

2/ Ông Nguyễn Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cuồng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 675/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Trần Mỹ T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 74 Đường Q, phường W, quận E, TP.Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đỗ Quang H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 29 Đường Z, phường X, quận B, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Trần Mỹ T trình bày: Bà và ông Nguyễn Đỗ Quang H tự nguyện kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường K, quận M, TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2004. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài nhiều năm, không thể hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà nộp đơn xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đăng O, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Khánh G, sinh ngày 28/6/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Đỗ Quang H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Phạm Trần Mỹ T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Đỗ Quang H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Trần Mỹ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Phạm Trần Mỹ T xin ly hôn với ông Nguyễn Đỗ Quang H cư trú tại 29 Đường Z, phường X, quận B, TP.Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà Phạm Trần Mỹ T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Đỗ Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường K, quận M, TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2004 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Trần Mỹ T và ông Nguyễn Đỗ Quang H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H, vì mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân thực tế không còn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ nên khả năng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà T chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đăng O, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Khánh G, sinh ngày 28/6/2011.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, để không làm xáo trộn cuộc sống của 02 trẻ nên giao 02 trẻ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 trẻ là muốn ở với mẹ. Do bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông H.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

[4] Về án phí: Bà T pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Trần Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Trần Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Đỗ Quang H.

- Về con chung: Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Đăng O, sinh ngày 16/12/2006 và Nguyễn Khánh G, sinh ngày 28/6/2011, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông H do bà T không có yêu cầu.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Trần Mỹ T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008654 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Trần Thanh Vân